

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 93/2024/DSPT

Ngày: 20/6/2024.

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- **Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Hùng

Các thẩm phán:

1. Ông Trương Thanh Dũng

2. Bà **Giang Thị Cẩm Thúy**

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Anh Khoa – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Nguyệt Hân - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 06 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 27/2024/TLPT-DS ngày 20 tháng 02 năm 2024 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2023/DS-ST ngày 06 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 62/2024/QĐ-PT ngày 20 tháng 05 năm 2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** ông **Lê Thế K**, sinh năm 1954

Địa chỉ: B25, đường K, khóm Y, phường X, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông K: Bà Nguyễn Việt Q là luật sư Văn phòng Luật sư Trần Đức H và cộng sự - chi nhánh Bạc Liêu.

2. **Bị đơn:** bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1969

Địa chỉ: ấp N, xã A, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: ông **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1965

Địa chỉ: ấp Ninh Hòa, xã A, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

3.1. Bà **Lê Hồng T**, sinh năm 1956

Địa chỉ: B, đường K, khóm Y, phường X, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu

3.2. Bà **Nguyễn Thị Q**, sinh năm 1956

Địa chỉ: ấp N, xã A, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

3.3. Ông **Nguyễn Thanh S**, sinh năm 1966

Địa chỉ: ấp N, xã A, huyện H, tỉnh Bạc Liêu

3.4. Ủy ban nhân dân huyện H

Địa chỉ: ấp Ô, thị trấn N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện theo pháp luật: ông **Nguyễn Văn T** – Chức vụ; Chủ tịch

3.5. Chị **Võ Thị Bé H**, sinh năm 1961

Địa chỉ: ấp N, xã A, huyện H, tỉnh Bạc Liêu

3.6. Chị **Võ Thị Bé B**, sinh năm 1962

Địa chỉ: ấp M, xã Đ, huyện P, tỉnh Bạc Liêu

3.7. Chị **Lâm Thị Q**, sinh năm 1966

Địa chỉ: ấp Ngan Kè, xã Ninh Quới, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu

3.8. Ông **Đặng Thành T**, sinh năm 1935; **Đã chết ngày 08/8/2023.**

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Đặng Thành T gồm: Đặng Thị D, Đặng Thành Đ, Đặng Thị T, Đặng Thị N, Đặng Thị D1, Đặng Thị P, Đặng Thành T.

3.9. Anh **Đặng Thành Đ**, sinh năm 1974

Địa chỉ: ấp L, xã A, huyện H, tỉnh Bạc Liêu

3.10. Chị **Đặng Thị T**, sinh năm 1976

Địa chỉ: ấp M, xã B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng

3.11. Chị **Đặng Thị D**, sinh năm 1967

Địa chỉ: ấp L, xã A, huyện H, tỉnh Bạc Liêu

3.12. Chị **Đặng Thị N**, sinh năm 1962

Địa chỉ: ấp L, xã A, huyện H, tỉnh Bạc Liêu

3.13. Chị **Đặng Thị D1**, sinh năm 1982

Địa chỉ: ấp L, xã A, huyện H, tỉnh Bạc Liêu

3.14. Chị **Đặng Thị P**, sinh năm 1976

Địa chỉ: ấp M, xã B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng

3.15. Anh **Đặng Thành T**, sinh năm 1979

Địa chỉ: ấp L, xã A, huyện H, tỉnh Bạc Liêu

3.16. Ông **Lê Văn P**, sinh năm 1937

Địa chỉ: Khóm V, phường Y, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng

3.17. Bà **Lê Thị H**, sinh năm 1950

Địa chỉ: ấp Tà Ốc, xã N huyện H, tỉnh Bạc Liêu

Ông Lê Thế K và ông Nguyễn Văn C có mặt tại phiên tòa, tất cả các đương sự khác vắng mặt nhưng có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Ông *Lê Thế K trình bày*: ông K yêu cầu bà T trả phần đất qua đo đạc thực tế diện tích 3.644,7m². Ngoài ra, không có yêu cầu gì khác.

Đất này trước đây chính quyền Cách mạng cấp cho mẹ ông là bà Ngô Thị T vào năm 1951. Đến năm 1961 - 1962, Chính quyền cách mạng có chủ trương đào

kênh chông xe của quân địch nên chia đất ra làm 02 phần gồm phần đất ruộng và phần giáp bờ xáng (là phần đang tranh chấp với bà T). Năm 1963, Chính quyền cách mạng xã N (nay là A) tiếp tục đào ụ công sự chiến đấu trong phần đất tranh chấp này. Năm 1975, ông Nguyễn Văn K là cha ruột của bà Nguyễn Thị T có đất giáp ranh nên bao chiếm luôn phần đất này của bà Ngô Thị T. Bà Ngô Thị T có yêu cầu chính quyền áp và xã giải quyết nhưng ông K vẫn không trả đất (việc này không có lập biên bản). Năm 1996, bà Ngô Thị T tiếp tục yêu cầu ông K trả đất việc này có lập biên bản nhưng ông K không chịu ký tên vào biên bản (biên bản này chỉ còn bản phô tô hồ sơ gốc đã bị mất). Năm 2004, bà Ngô Thị T chết, ông K là con trai út nên được quản lý và hưởng tài sản bao gồm thửa đất tranh chấp với bà T. Năm 2012, ông K phát hiện bà T đã được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện H thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà T. Ủy ban nhân dân huyện H Quyết định 237/QĐ-UBND ngày 13/11/2014 thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà T. Tuy nhiên bà T không nộp giấy chứng nhận nên Ủy ban nhân dân huyện H ban hành Quyết định số 197/QĐ-UBND ngày 01/6/2015 hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà T. Năm 2016, ông K yêu cầu chính quyền áp N và Ủy ban nhân dân xã A giải quyết tranh chấp nhưng không thành nên nay ông kiện ra Tòa án. Các chứng cứ ông K nộp cho Tòa án là các bản phô tô còn bản gốc đã thất lạc trừ hồ sơ hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà T.

** Người được bị đơn ủy quyền ông Nguyễn Văn C trình bày: Về nguồn gốc đất này là của ông Nguyễn Văn K (đã chết) là cha của bà T sử dụng trước năm 1975. Bà T sống cùng ông K nên sau khi ông K chết (1989) để lại phần đất cho bà T sử dụng từ đó đến nay. Bà T có đi kê khai và được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này bà T đang giữ không cầm cố hay thế chấp cho cá nhân, tổ chức tín dụng nào. Nay ông K kiện đòi bà T trả phần đất qua đo đạc thực tế diện tích 3.644,7m² ông Cam không đồng ý.*

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Hồng T trình bày và ý kiến giống như phần trình bày và ý kiến của nguyên đơn ông Lê Thế K. Ngoài ra không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.*

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Q trình bày và ý kiến giống như phần trình bày và ý kiến của ông Nguyễn Văn C. Ngoài ra không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.*

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn S trình bày và ý kiến giống như phần trình bày và ý kiến của nguyên đơn Nguyễn Văn C. Riêng về căn nhà của ông S ở nhờ trên đất của bà T ông có ý kiến khi nào bà T có ý kiến buộc ông di dời thì ông tự nguyện di dời. Ngoài ra không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.*

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện H, người đại diện theo pháp luật ông Nguyễn Văn Thới trình bày: Thông tin về việc thu hồi*

giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị T tại thửa đất số 607, tờ bản đồ số 13:

Ngày 17/01/2013, Ủy ban nhân dân (UBND) huyện H có chỉ đạo phòng Tài nguyên và Môi trường kiểm tra đối chiếu với các quy định của pháp luật về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị T là đúng hay sai và báo cáo kết quả về UBND huyện để có hướng chỉ đạo giải quyết.

Ngày 11/7/2013, phòng Tài nguyên và Môi trường có báo cáo số 31/BC-TNMT về việc kiểm tra cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị T. Bà Nguyễn Thị T được UBND huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2001, cấp theo ban hành Quyết định số 513/QĐ-UB ngày 13/5/1999 tại thửa đất số 281, tờ bản đồ số 05, diện tích 11.800m², địa chỉ thửa đất ấp N, xã A, huyện H, tỉnh Bạc Liêu và thửa đất số 607, tờ bản đồ số 13, diện tích 3.700m², địa chỉ thửa đất ấp T, xã A, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Trong đó thửa đất số 607, tờ bản đồ số 13, diện tích 3.700m² là vị trí đang tranh chấp mà ông Lê Văn P đã yêu cầu từ năm 1998, chưa được giải quyết dứt điểm. Căn cứ Khoản 2, điều 25, Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ; Phòng Tài nguyên và Môi trường kiến nghị UBND huyện thông báo cho cơ quan thanh tra thẩm tra việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất nêu trên.

Đến ngày 28/7/2014, Thanh tra huyện có kết luận số 05/KT-TTH về kết quả thẩm tra hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Kết luận việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị T trong thời gian tranh chấp là trái pháp luật. Đặc biệt hồ sơ xét duyệt đề nghị của Hội đồng xét duyệt cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xã N hiện các cơ quan chuyên môn của huyện, tỉnh điều xác định là không có lưu trữ. Từ cơ sở trên, Thanh tra huyện kiến nghị Chủ tịch UBND huyện chỉ đạo phòng Tài nguyên và Môi trường tham mưu ban hành Quyết định thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Nguyễn Thị T đứng tên.

Đến ngày 01/10/2014, UBND huyện đã ban hành Thông báo số 92/TB-UBND về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị T. Lý do là không có hồ sơ gốc, đất đang tranh chấp nên không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đã niêm yết thông báo.

Đến ngày 13/11/2014, UBND huyện đã ban hành Quyết định số 237/QĐ-UBND về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị T.

Bà Nguyễn Thị T không mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để thu hồi do đó ngày 24/4/2015, UBND huyện đã ban hành Quyết định số 197/QĐ-UBND về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị T. Việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị T điều thực hiện theo quy định pháp luật.

Từ những nội dung trên, tại bản án dân sự sơ thẩm số 25/2023/DS-ST ngày 06/6/2023 Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu quyết định:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Thế K đòi bà Nguyễn Thị T trả phần đất qua đo đạc thực tế diện tích 3.644,7m² tọa lạc tại ấp N, xã A, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

2. Bà Nguyễn Thị T được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định phân án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo theo quy định.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay đương sự vẫn giữ yêu cầu kháng cáo.

** Lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Nguyên đơn:*

Cấp sơ thẩm nhận định gia đình bà T sử dụng đất ông định trước năm 1975, gia đình bà T kê khai và nộp thuế quyền sử dụng đất cho Nhà nước là chưa phù hợp. Mà đất tranh chấp này trước năm 1975 bà Ngô Thị T được Nhà nước cấp, sau đó sử dụng một phần để đào hào, làm ụ chống giặc. Nguồn gốc đất được những người công tác tại chính quyền địa phương giai đoạn đó xác nhận là chính quyền Cách mạng giao đất cho bà Ngô Thị T, sau đó ông K chiếm đất sau năm 1975 bà T đòi đất, chính quyền buộc ông K trả đất cho bà T; sau đó xuyên suốt vào các năm 1996, 1998 chính quyền vẫn giải quyết buộc gia đình bà T trả cho bà Ngô Thị T. Nên có căn cứ xác định đất có nguồn gốc của bà T; việc bà T sử dụng đất không thuộc trường hợp sử dụng đất ổn định lâu dài như quy định của Luật đất đai. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa án sơ thẩm; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông K. Ông K đồng ý hoàn giá trị nhà và các cây trồng cho bà T và ông S.

** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án thì Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự: Thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thực hiện đúng quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử, việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và đương sự đầy đủ, đúng thời hạn. Việc chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát đúng quy định. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Theo các chứng cứ có trong hồ sơ đã thể hiện đất có nguồn gốc của bà Ngô Thị T do gia đình bà T chiếm sử dụng; việc tranh chấp đã được cơ quan chính quyền ở địa phương giải quyết nhiều lần đều buộc gia đình bà T trả đất cho gia đình bà Ngô Thị T. Nên đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà T trả đất cho ông K nhưng trả bằng giá trị quyền sử dụng đất đã được Hội đồng định giá xác định. Do đó, đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự sửa án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Về quyền khởi kiện, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án đã được cấp sơ thẩm nhận định là phù hợp.

[1] Về quyền khởi kiện, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án đã được cấp sơ thẩm nhận định là phù hợp.

[2] Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án khi các đương sự là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt là đúng quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

Diện tích đất tranh chấp qua đo đạt thực tế:

- Hướng Đông giáp phần đất bà Lê Kim Em, có cạnh dài 86,5 m.
- Hướng Tây giáp đường nhựa, có cạnh dài 60,1 m.
- Hướng Nam giáp đất ông Nguyễn thanh Hoàng, có cạnh dài 38,1 m + 25,5m + 32,1m.
- Hướng Bắc giáp đất bà Nguyễn Thị Tư, có cạnh dài 39,6 m.

Tổng diện tích 3.644,7m² thuộc thửa 135 hợp với thửa 112 tờ bản đồ số 06 toạ lạc tại ấp N, xã A, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Trên hồ sơ địa chính xã Ninh Quới A thành lập năm 1993:

Diện tích 1877,6 m² nằm trong thửa 606, tờ bản đồ số 13 chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đối tượng nào, không do ủy ban nhân dân xã quản lý.

Diện tích 1767,1 m² nằm trong thửa 607, tờ bản đồ số 13 do bà Nguyễn Thị T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (nhưng Ủy ban nhân dân huyện H đã ra Quyết định số 197/QĐ-UBND về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị T. }

Trên hồ sơ địa chính xã N thành lập năm 2009:

Diện tích 299,9 m² và 3.344,8m² nằm trong thửa 112 và 135, tờ bản đồ số 13 chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đối tượng nào.

Hiện trạng:

- Căn nhà của bà Nguyễn Thị T (Hiện tại do bà Nguyễn Thị Quy là chị ruột của bà T ở) có chiều ngang 4,3m, chiều dài 7,8m có kết cấu: Cột bê tông cốt thép, đòn tay cây gỗ địa phương, mái lợp tôn Fibro xi măng, vách xây tường 10cm có tô hai mặt cao 01m còn lại một bên vách đóng thiếc và một bên vách đóng ván, nền láng xi măng;

- Gắn liền phía bên hiên nhà là cái chái có chiều ngang 2,2m, chiều dài 07m kết cấu: Nền láng xi măng, mái lợp tôn kẽm, cột sắt tròn, đỡ mái sắt ống, không có la phong;

- Phía sau nhà có một cái chái chiều ngang 6,4m, dài 3m, có kết cấu: mái lợp tôn Fibro xi măng, vách thiếc, cột gỗ địa phương, nền đất;

- 01 cái đồng hồ nước sạch có giá;
- 19 cây dừa lớn đã trên 30 năm tuổi;
- 08 Cây mít lớn;

- 01 Cây nhãn;
- 02 cây mận lớn;
- 08 Cây cao kiềng;
- 05 Cây mai kiềng;
- 01 Cây cóc lớn;
- Cây trà mề đạ lạt lớn;
- 04 Cây xoài lớn;
- 30 Cây chuối lớn;
- 40 Cây chuối nhỏ;
- 05 Bụi lục bình;
- 10m² Lá dứa nước;
- 03 Bụi trâm bầu;
- 09 Cây tra;
- 03 Cây mù u;
- 05 Cây sộp lớn;
- Một số Cây bình bát.

Tất cả các các vật kiến trúc và cây trồng nêu trên do bà Nguyễn Thị T xây dựng và trồng.

- Căn nhà của ông Nguyễn Văn S ở nhờ trên đất của bà Nguyễn Thị T có chiều ngang 4,5m, chiều dài 9,4m, có kết cấu: Cột bê tông cốt thép, đỡ mái cây gỗ địa phương, mái lợp tôn Fibro xi măng, không có đóng la thông, vách xây tường có tô gạch 10cm, cao 1,2m, phần vách còn lại 1 bên đóng thiếc, một bên đóng ván, nền láng xi măng;

- Một cái chái có chiều ngang 3m, dài 9,4m, nền đất, cột cây gỗ địa phương, đòn tay cây gỗ địa phương, mái thiếc, vách lá, nền đất;

- Một cái sân xi măng có chiều ngang 5m, dài 10m;

- Một cái đồng hồ nước sạch có giá.

Tất cả các vật kiến trúc nêu trên do ông Nguyễn Văn S xây dựng.

Về định giá thị trường:

Phần đất tranh chấp:

- Phần đất ở có giá $280.000\text{đ}/1\text{m}^2 \times 300\text{m}^2 = 84.000.000\text{đ}$;

- Phần đất trồng cây lâu năm $54.000/1\text{m}^2 \times 3.344,7\text{m}^2 = 180.613.300\text{đ}$.

Phần tài sản trên đất tranh chấp:

- Căn nhà của bà Nguyễn Thị T (Hiện tại do bà Nguyễn Thị Q là chị ruột của bà T ở) có chiều ngang 4,3m, chiều dài 7,8m có kết cấu: Cột bê tông cốt thép, đòn tay cây gỗ địa phương, mái lợp tôn Fibro xi măng, vách xây tường 10cm có tô hai mặt cao 01m còn lại một bên vách đóng thiếc và một bên vách đóng ván, nền láng xi măng có giá 39.577.000đ;

- Gắn liền phía bên hiên nhà là cái chái có chiều ngang 2,2m, chiều dài 07m kết cấu: Nền láng xi măng, mái lợp tôn kẽm, cột sắt tròn, đỡ mái sắt ống, không có la thông có giá 2.002.000đ;

- Phía sau nhà có một cái chái chiều ngang 6,4m, dài 3m, có kết cấu: mái lợp tôn Fibro xi măng, vách thiếc, cột gỗ địa phương, nền đất có giá 11.800.000đ;

- 01 cái đồng hồ nước sạch có giá 670.000đ/cái.

- Căn nhà của ông Nguyễn Văn S ở nhờ trên đất của bà Nguyễn Thị T có chiều ngang 4,5m, chiều dài 9,4m, có kết cấu: Cột bê tông cốt thép, đỡ mái cây gỗ địa phương, mái lợp tôn Fibro xi măng, không có đóng la thông, vách xây tường có tô gạch 10cm, cao 1,2m, phần vách còn lại 1 bên đóng thiếc, một bên đóng ván, nền láng xi măng có giá 49.914.000đ;

- Một cái chái có chiều ngang 3m, dài 9,4m, nền đất, cột cây gỗ địa phương, đòn tay cây gỗ địa phương, mái thiếc, vách lá, nền đất có giá 3.666.000đ;

- Một cái sân xi măng có chiều ngang 5m, dài 10m có giá 3.500.000đ;

- Một cái đồng hồ nước sạch có giá 670.000đ/cái.

Cây trồng:

- 01 cây dừa lớn đã trên 30 năm tuổi có giá 698.000đ;

- Cây mít lớn có giá 408.000đ/cây.

- Cây nhãn có giá 428.000đ/cây;

- Mận lớn có giá 375.000đ/cây;

- Cây cao kiềng có giá (hỗ trợ di dời) 115.000đ/cây;

- Cây mai kiềng có giá (hỗ trợ di dời) 115.000đ/cây;

- Cây cóc lớn có giá 218.000đ/Cây;

- Cây tràm đà lạt lớn có giá 70.000đ/Cây

- Cây xoài lớn có giá 648.000đ/cây;

- Cây chuối lớn có giá 100.000đ/Cây

- Cây chuối nhỏ có giá 30.000đ/Cây

- Bụi lục bình có giá 230.000đ/bụi;

- Lá dừa nước có giá 17.000đ/m²;

- Bụi trâm bầu có giá 40.000đ/Cây;

- Cây tra 70.000đ/cây;

- Cây mù u có giá 50.000đ/Cây;

- Cây sộp lớn loại cây tạp không định giá;

- Cây bình bát loại cây tạp không định giá.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo và yêu cầu khởi kiện của ông Lê Thế K đòi bà Nguyễn Thị T trả phần đất qua đo đạc thực tế diện tích 3.644,7m²:

Về nguồn gốc đất, ông Lê Thế K cho rằng đất này trước đây chính quyền Cách mạng cấp cho mẹ ông là bà Ngô Thị T vào năm 1951. Đến năm 1961 - 1962, chính quyền Cách mạng trưng dụng đào kênh chống xe của quân địch. Năm 1963, chính quyền Cách mạng xã Ninh Quới (nay là A) tiếp tục trưng dụng đào ụ công sự chiến đấu trong phần đất tranh chấp này. Năm 1975, ông Nguyễn Văn K là cha ruột của bà Nguyễn Thị T bao chiếm phần đất này của bà Ngô Thị T. Ông Lê Thế K xác định từ năm 1976, mẹ ông bà Ngô Thị T đã yêu cầu chính quyền ấp Ninh Hòa và Ủy ban nhân dân xã Ninh Quới A giải quyết buộc ông Nguyễn Văn K trả lại đất mà ông K đã chiếm, việc này quá lâu nên không còn biên bản. Năm 1996 và năm 1998, bà Ngô Thị T tiếp tục yêu cầu chính quyền ấp Ninh Hòa và Ủy ban nhân dân xã A giải quyết các lần này có làm biên bản hòa giải nhưng bản gốc đã thất lạc.

Ông Nguyễn Văn C cho rằng đất này của ông Nguyễn Văn K sử dụng trước năm 1975. Do bà T sống cùng ông K nên khi ông K chết (1989) bà T tiếp tục quản lý sử dụng từ đó đến nay.

Theo sự xác nhận của các hộ dân cố cựu xác định đất do chính quyền Cách mạng cấp cho bà Ngô Thị T trước năm 1975 (BL 10-14) và lời khai nhân chứng là ông Trần Hoàng T - Nguyên phó trưởng công an xã N (nay là N và A) thì xác định đất do nhà nước cấp cho bà Ngô Thị T (mẹ ông K), do chiến tranh ông K (cha bà T) mượn ở, sau năm 1975 bà Ngô Thị T có yêu cầu ông K trả đất (BL 175-176). Ông Trần Hoàng T xác định ông Trần Ngọc N là cha ruột ông; theo giấy “Xác Nhận” ngày 30/6/1995 của cụ Trần Ngọc N (BL11, 13) xác định năm 1976 chính quyền có giải quyết buộc ông K trả đất cho bà Ngô Thị T

Xét thấy “Biên bản hòa giải ngày 29/6/1996” của Chính quyền ấp N thể hiện: Tại cuộc họp nêu trên các hộ dân xác định đất đã được chính quyền cách mạng cấp cho bà Tư, sau đó trưng dụng làm bãi chiến đấu; yêu cầu gia đình ông Khương trả đất cho bà Ngô Thị T (BL 16-17); Biên bản xác minh ông Lê Minh H xác định nội dung biên bản và thành phần tham dự cuộc họp hôm đó đúng như tài liệu có trong hồ sơ (BL 224-225)

Tại “Biên bản hòa giải ngày 12/5/1998” của Ủy ban nhân dân xã N thể hiện: Ông Phan Văn Phó (đại diện cho bà Ngô Thị T) đưa ra 3 phương án buộc phía gia đình ông Nguyễn Văn K thế phần đất khác cho bà Tư; nếu không thì trả tiền cho bà Tư; hoặc trả diện tích đất thổ cư cho bà Tư. Ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị V (con ông Nguyễn Văn K) tham gia hòa giải xác định đất này của cha chết để lại ông không hiểu. Chủ tọa phiên hòa giải kết luận do phần đất bà Ngô Thị T yêu cầu hiện do 02 hộ chiếm giữ là bà Nguyễn Thị T chiếm 1.440m² nên bà Nguyễn Thị T phải trả cho bà Ngô Thị T 1.000.000đ; Hộ ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị V chiếm giữ 2.752m² phải trả cho bà Ngô Thị T 2.000.000đ (bà Nguyễn Thị V là chị của bà T xác định do quá nghèo, không có tiền trả cho bà Ngô Thị T). Thời gian trả tiền sau 30 ngày kể từ ngày hòa giải. (BL 08 – 09). Biên bản xác minh ông Nguyễn Tấn D xác định nội dung biên bản và thành phần tham dự cuộc họp hôm 12/5/1998 đúng như tài liệu có trong hồ sơ (BL 226-227).

Năm 2001, bà Nguyễn Thị T được UBND huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 0607. Tại Tờ trình số 31/BC-TNMT ngày 11/7/2013 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Hồng Dân đến Chủ tịch UBND huyện H thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà T do đất tranh chấp giữa gia đình bà Ngô Thị T với gia đình bà T trước khi bà T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (BL 01). Tại Bản cung cấp thông tin ngày 23/3/2021 của UBND huyện Hồng Dân xác định ngày 24/4/2015 tại Quyết định số 197/QĐ-UBND của UBND huyện H đã huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà T (BL 155)

Như vậy, với các chứng cứ nêu trên; Có căn cứ xác định đất tranh chấp thì do chính quyền cách mạng cấp cho bà Ngô Thị T là mẹ của ông K, do điều kiện chiến tranh ông K đã bao chiếm, sau năm 1975 bà Ngô Thị T tiếp tục yêu cầu chính quyền ở địa phương buộc ông K (cha của bà T) trả đất, năm 1996, 1998 chính quyền ở địa phương vẫn xác định đất đã cấp cho bà Tư và buộc bà T, ông S (con của ông K) trả đất bằng giá trị là tiền, nhưng phía gia đình bị đơn vẫn không thực hiện, suốt quá trình dài bà Tư yêu cầu ông K và gia đình bà T, ông S trả đất được chính quyền ở địa phương xác định và buộc gia đình bà T trả đất cho bà Tư. Nên việc ông Lê Thế K yêu cầu bà T và ông S trả đất là có căn cứ được HĐXX chấp nhận.

Cấp sơ thẩm cho rằng đất này trước đây bà Ngô Thị T quản lý sử dụng đến khoảng năm 1961 đã từ bỏ quyền sử dụng đất của mình để chuyển đi nơi khác là không phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ, và cho rằng gia đình ông K, sau này là bà T và ông S sử dụng ông định lâu dài là không đúng quy định tại Điều 158; khoản 1 Điều 182; Điều 236 Bộ luật dân sự; Điều 101 Luật đất đai vì sau năm 1975 gia đình bà Ngô Thị T liên tục tranh chấp và yêu cầu gia đình ông Khương trả đất, được chính quyền ở địa phương giải quyết bà buộc trả đất cho gia đình bà Ngô Thị T. Nên gia đình ông K, bà T, ông S không thuộc trường hợp sử dụng đất ổn định lâu dài trên 30 năm.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thuộc hàng thừa kế của ông Nguyễn Văn K xác định giao đất tranh chấp cho bà T; những người thuộc hàng thừa kế của bà Ngô Thị T xác định giao quyền sử dụng đất tranh chấp cho ông Lê Thế K. Do đó, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Thế K buộc bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn S trả đất cho ông Lê Thế K.

Từ những phân tích nêu trên hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Thế K. Tuy nhiên, hiện tại bà T và ông S không có chỗ ở khác, Nên Hội đồng xét xử giao diện tích đất ở gắn liền với căn nhà của bà T và ông S để hai đương sự tiếp tục sử dụng đất để ở; bà T và ông S có nghĩa vụ hoàn trả giá trị quyền sử dụng đất theo giá đất thổ cư do Hội đồng định giá xác định ngày 05/9/2019 và bà Nguyễn Thị T trả diện tích đất trống còn lại cho ông Lê Thế K. Cụ thể như sau:

Theo Biên bản thẩm định tại chỗ ngày 05/09/2019 và ngày 27/05/2024 thì giao bà Nguyễn Thị T sử dụng diện tích với tứ cạnh như sau:

- + Hướng Đông giáp phần đất giao trả cho ông Lê Thế K có số đo 7,3m;
- + Hướng Tây giáp đường nhựa (giao thông nông thôn) có số đo 7,3m;
- + Hướng nam giáp phần đất giao trả cho ông Lê Thế K có số đo 23,4m;
- + Hướng bắc giáp phần đất giao trả cho ông Lê Thế K có số đo 23,4m;

Diện tích $170,82m^2$ thuộc một phần thửa 135 hợp với thửa 112 tờ bản đồ số 06 tọa lạc tại ấp N, xã A, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ hoàn trả giá trị quyền sử dụng đất cho ông Lê Thế K số tiền: $170,82m^2 \times 280.000đ/1m^2 = 47.829.600đ$. Bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ đi kê khai đăng ký để được cấp quyền sử dụng theo quy định của pháp luật.

Theo Biên bản thẩm định tại chỗ ngày 05/09/2019 và ngày 27/5/2024 ông Nguyễn Văn Slàm nhà vệ sinh trong quá trình tranh chấp và sau khi đo đạc thẩm định ngày 05/9/2019. Nên buộc ông Nguyễn Văn S có nghĩa vụ tháo dỡ nhà vệ sinh ngang 2m; dài 2,3m = 4,6m².

Theo Biên bản thẩm định ngày ngày 05/09/2019 và 27/05/2024 thì giao ông Nguyễn Văn S sử dụng diện tích với tứ cạnh như sau:

- + Hướng Đông giáp phần đất giao trả cho ông Lê Thế K có số đo 7,5m;
- + Hướng Tây giáp đường nhựa (giao thông nông thôn) có số đo 7,5m;
- + Hướng nam giáp phần đất giao trả cho ông Lê Thế K có số đo 15,4m;
- + Hướng bắc giáp phần đất giao trả cho ông Lê Thế K có số đo 15,4m;

Diện tích 115,5m² thuộc một phần thửa 135 hợp với thửa 112 tờ bản đồ số 06 toạ lạc tại ấp N, xã A, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Ông Nguyễn Văn S có nghĩa vụ hoàn trả giá trị quyền sử dụng đất cho ông Lê Thế K số tiền 115,5m² X 280.000đ/m² = 32.340.000đ. Ông Nguyễn Văn S có nghĩa vụ đi kê khai đăng ký để được cấp quyền sử dụng theo quy định của pháp luật.

Buộc bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ giao trả cho ông Lê Thế K diện tích đất còn lại 3.358,38m² thuộc một phần thửa 135 hợp với thửa 112 tờ bản đồ số 06 toạ lạc tại ấp N, xã A, huyện H, tỉnh Bạc Liêu với vị trí như sau:

+ Hướng Đông giáp phần đất của bà Lê Kim E cạnh dài 86,5m;
+ Hướng Tây giáp đường nhựa (giao thông nông thôn) cạnh dài 45,3m (Đã trừ phần đất giao cho bà T và ông S: 60,1m – 7,3m – 7,5m), bao gồm: cạnh 13,20m (từ cạnh hướng bắc giáp đất bà Nguyễn Thị T đến cạnh hướng nam giáp đất giao cho bà T 7,3m) + Cạnh 20,80m (từ cạnh hướng bắc giáp đất giao bà Nguyễn Thị T đến cạnh hướng nam giáp đất giao ông Nguyễn Văn S 7,5m) + Cạnh 11,3m (từ cạnh hướng bắc giáp đất giao ông Nguyễn Văn S đến cạnh hướng nam giáp đất ông Nguyễn Văn H).

+ Hướng nam giáp phần đất của ông Nguyễn Thanh H có các cạnh 38,1m + 25,5m + 32,1m;

+ Hướng bắc giáp phần đất của bà Nguyễn Thị T cạnh dài 39,6m;

Ông Lê Thế K có nghĩa vụ đi kê khai đăng ký để được cấp quyền sử dụng theo quy định của pháp luật.

Giao cho ông Lê Thế K sở hữu các cây do bà T trồng gồm:

- 19 cây dừa lớn đã trên 30 năm tuổi;
- 08 Cây mít lớn;
- 01 Cây nhãn;
- 02 cây mận lớn;
- 08 Cây cao kiềng;
- 05 Cây mai kiềng;
- 01 Cây cóc lớn;
- Cây tràm đà lạt lớn;
- 04 Cây xoài lớn;
- 30 Cây chuối lớn;
- 40 Cây chuối nhỏ;

- 05 Bụi lục bình;
- 10m² Lá dứa nước;
- 03 Bụi trâm bầu;
- 09 Cây tra;
- 03 Cây mù u;
- 05 Cây sộp lớn;
- Một số Cây bình bát.

Buộc ông Lê Thế K có nghĩa vụ hoàn trả giá trị toàn bộ cây trồng trên đất theo giá đã được Hội đồng định giá là 3.612.000đ cho bà Nguyễn Thị T.

Với những phân tích nêu trên, HĐXX chấp nhận yêu cầu kháng cáo; yêu cầu khởi kiện của ông Lê Thế K sửa Bản án sơ thẩm số 25/2023/DS-ST ngày 06/6/2023 Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

[5] Về ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên là có căn cứ; tuy nhiên Hội đồng xét xử không buộc bà T trả giá trị toàn bộ diện tích đất tranh chấp, mà chỉ buộc trả giá trị phần đất mà ông S và bà T được giao do đang ở; phần đất trống còn lại giao trả cho ông Lê Thế K như đã phân tích nêu trên.

[6] Về chi phí tố tụng: Buộc bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn S phải chịu; Ông Lê Thế K không phải chịu; ông Lê Thế K đã nộp tạm ứng 4.375.000đ (BL 47; 275), đã chi hết. Nên buộc bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn S mỗi người phải nộp 2.187.500đ tại Chi cục Thi hành án huyện H để hoàn lại cho ông Lê Thế K.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ; bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ nộp 300.000đ tại Chi cục thi hành án huyện Hồng Dân. Ông Lê Thế K không phải chịu, ông Lê Thế K đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ theo lai thu số 0006148 ngày 26/3/2019 tại Chi cục Thi hành án huyện H được hoàn lại toàn bộ.

- Vì các lẽ trên,
- Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lê Thế K; Sửa toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số số 25/2023/DS-ST ngày 06/6/2023 Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- Áp dụng Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng Điều 100 và Điều 203 Luật đất đai 2013;
- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Thế K đòi bà Nguyễn Thị T trả phần đất qua đo đạc thực tế diện tích 3.644,7m² thuộc thửa 135 hợp với thửa 112 tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại ấp N, xã A, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

2. Giao cho bà Nguyễn Thị T được quyền sử dụng diện tích 170,82m² thuộc một phần thửa 135 hợp với thửa 112 tờ bản đồ số 06; tọa lạc tại ấp N, xã A, huyện H, tỉnh Bạc Liêu với tứ cạnh như sau:

- + Hướng Đông giáp phần đất giao trả cho ông Lê Thế K có số đo 7,3m;
- + Hướng Tây giáp đường nhựa (giao thông nông thôn) có số đo 7,3m;
- + Hướng nam giáp phần đất giao trả cho ông Lê Thế K có số đo 23,4m;
- + Hướng bắc giáp phần đất giao trả cho ông Lê Thế K có số đo 23,4m;

Buộc bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ hoàn trả giá trị quyền sử dụng đất cho ông Lê Thế K số tiền 47.829.600đ.

Bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ đi kê khai đăng ký để được cấp quyền sử dụng theo quy định của pháp luật.

3. Giao ông Nguyễn Văn S được quyền sử dụng diện tích 115,5m² thuộc một phần thửa 135 hợp với thửa 112 tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại ấp N, xã A, huyện H, tỉnh Bạc Liêu với tứ cạnh như sau:

- + Hướng Đông giáp phần đất giao trả cho ông Lê Thế K có số đo 7,5m;
- + Hướng Tây giáp đường nhựa (giao thông nông thôn) có số đo 7,5m;
- + Hướng nam giáp phần đất giao trả cho ông Lê Thế K có số đo 15,4m;
- + Hướng bắc giáp phần đất giao trả cho ông Lê Thế K có số đo 15,4m;

Buộc ông Nguyễn Văn S có nghĩa vụ hoàn trả giá trị quyền sử dụng đất cho ông Lê Thế K số tiền 32.340.000đ.

Ông Nguyễn Văn S có nghĩa vụ đi kê khai đăng ký để được cấp quyền sử dụng theo quy định của pháp luật.

4. Buộc ông Nguyễn Văn S có nghĩa vụ tháo dỡ nhà vệ sinh ngang 2m dài 2,3m = 4,6m² để trả đất cho ông Lê Thế K.

5. Buộc bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ giao trả cho ông Lê Thế K diện tích đất còn lại 3.358,38m² thuộc thửa 135 hợp với thửa 112 tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại ấp N, xã A, huyện H, tỉnh Bạc Liêu với vị trí như sau:

- + Hướng Đông giáp phần đất của bà Lê Kim E cạnh dài 86,5m;
- + Hướng Tây giáp đường nhựa (giao thông nông thôn) cạnh dài 45,3m (Đã trừ phần đất giao cho bà T và ông S: 60,1m – 7,3m – 7,5m), bao gồm: cạnh 13,20m (từ cạnh hướng bắc giáp đất bà Nguyễn Thị T đến cạnh hướng nam giáp đất giao cho bà T 7,3m) + Cạnh 20,80m (từ cạnh hướng bắc giáp đất giao bà Nguyễn Thị T đến cạnh hướng nam giáp đất giao ông Nguyễn Văn S 7,5m) + Cạnh 11,3m (từ cạnh hướng bắc giáp đất giao ông Nguyễn Văn S đến cạnh hướng nam giáp đất ông Nguyễn Văn H).

- + Hướng nam giáp phần đất của ông Nguyễn Thanh H có các cạnh 38,1m + 25,5 + 32,1m;
- + Hướng bắc giáp phần đất của bà Nguyễn Thị T cạnh dài 39,6m.

Ông Lê Thế K có nghĩa vụ đi kê khai đăng ký để được cấp quyền sử dụng theo quy định của pháp luật.

6. Giao ông Lê Thế K được quyền sở hữu toàn bộ cây trồng trên đất gồm:

- 19 cây dừa lớn đã trên 30 năm tuổi;
- 08 Cây mít lớn;
- 01 Cây nhãn;
- 02 cây mận lớn;
- 08 Cây cao kiêng;
- 05 Cây mai kiêng;
- 01 Cây cóc lớn;
- Cây tràm đà lạt lớn;
- 04 Cây xoài lớn;
- 30 Cây chuối lớn;
- 40 Cây chuối nhỏ;
- 05 Bụi lục bình;
- 10m² Lá dừa nước;
- 03 Bụi trâm bầu;
- 09 Cây tra;
- 03 Cây mù u;
- 05 Cây sộp lớn;

Buộc ông Lê Thế K có nghĩa vụ hoàn trả giá trị các cây trồng nêu trên là 3.612.000đ cho bà Nguyễn Thị T.

7. Về chi phí tố tụng: Buộc bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn S phải chịu; Ông Lê Thế K không phải chịu; ông Lê Thế K đã nộp tạm ứng 4.375.000đ, đã chi hết. Nên buộc bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn S mỗi người phải nộp 2.187.500đ tại Chi cục Thi hành án huyện H để hoàn lại cho ông Lê Thế K.

8. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ; bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ nộp 300.000đ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H. Ông Lê Thế K không phải chịu, ông Lê Thế K đã dự nộp án phí 300.000đ theo lai thu số 0006148 ngày 26/3/2019 tại Chi cục Thi hành án huyện H được hoàn lại toàn bộ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện H;
- CCTHADS huyện H;
- Đương sự;
- Lưu Tổ HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Hùng